

SO SÁNH ĐẶC ĐIỂM THỂ CHẤT CỦA NAM SINH VIÊN NĂM THỨ NHẤT TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TÂY

Nguyễn Minh Đức, Nguyễn Văn Mười
Trường Đại học Xây dựng Miền Tây

Tóm tắt: Trong khi nhu cầu về nguồn nhân lực ngày càng được chú trọng thì thực trạng giáo dục thể chất tại Trường Đại học Xây dựng Miền Tây vẫn còn rất hạn chế, còn nhiều vấn đề cần đề cập trong công tác phát triển thể chất cho sinh viên. Kết quả nghiên cứu xác định thể trạng của sinh viên nam tại Trường Đại học Xây dựng Miền Tây ở mỗi chuyên ngành đào tạo khác nhau có những đặc điểm phát triển thể chất khác nhau, trong đó tốt nhất là sinh viên ngành Kỹ thuật Xây dựng, tiếp đến là sinh viên ngành Kiến trúc Xây dựng và cuối cùng là sinh viên ngành Quản lý Xây dựng.

Từ khóa: Giáo dục thể chất, đặc điểm thể chất, sinh viên nam, năm thứ nhất.

COMPARISON OF PHYSICAL CHARACTERISTICS OF FIRST-YEAR MALE STUDENTS OF THE WESTERN UNIVERSITY OF CONSTRUCTION

Nguyen Minh Duc, Nguyen Van Muoi
Western University of Construction

Abstracts: While the demand for human resources is increasingly emphasized, the situation of Physical Education at the Western University of Construction is still very limited, and there are many issues that need to be mentioned in the physical development of students. The research results determined that the physical condition of male students at the Western University of Construction in each different training major has different physical development characteristics, in which the best are students in the Construction Engineering major; followed by students in the Construction Architecture major and finally students in the Construction Management major.

Keywords: Physical Education, physical characteristics, male students, first year.

Nhận bài: 10/12/2024

Phản biện: 31/12/2024

Duyệt đăng: 05/01/2025

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong thế kỷ XX cùng với sự bùng nổ về khoa học và công nghệ dẫn đến sự phân công lao động ngành nghề trong xã hội càng phân hoá sâu sắc, hoạt động thể dục thể thao (TDTT) nói chung và các bài tập phát triển thể chất cũng phát triển nhanh, đa dạng để thích nghi với việc phân hoá ngành nghề. Nhận thấy việc giáo dục thể chất (GDTC) để nâng cao thể lực cho người lao động là việc cần thiết nên Nghị quyết của Ban Chấp Hành Trung Ương Đảng lần thứ 4 Khoá VII đã xác định mẫu người lao động trong thời hiện đại là: "... Con người phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất, phong phú về tinh thần, trong sáng về đạo đức".

Trường Đại học Xây dựng Miền Tây là cơ sở giáo dục đại học công lập, trực thuộc Bộ Xây dựng với đa dạng các chuyên ngành đào tạo, trong đó, sinh viên (SV) Nam chiếm hơn 90% SV của trường. Tuy nhiên, trong khi nhu cầu về nguồn nhân lực ngày càng được đề cao, thì tình hình GDTC tại Trường Đại học Xây dựng Miền Tây còn rất nhiều hạn chế, phát triển thể chất cho SV còn nhiều vấn đề cần được nhắc đến. Một số mặt hoạt động GDTC của Trường Đại học Xây dựng Miền Tây chưa được chú trọng và quan tâm đúng mức như chương trình giảng dạy thiếu linh hoạt, thiếu sự quan tâm của lãnh đạo, SV ít quan tâm

đến các hoạt động GDTC, ... Việc nghiên cứu đặc điểm phát triển thể chất nhằm định hướng công tác GDTC đã và đang trở thành nhiệm vụ hết sức quan trọng trong giáo dục đào tạo nguồn nhân lực.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Gồm 120 nam SV năm thứ nhất của Trường Đại học Xây dựng Miền Tây các ngành Kỹ thuật Công trình xây dựng, Kiến trúc Công trình và Quản lý Xây dựng.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học TDTT và GDTC trường học thường quy, tin cậy gồm: Tổng hợp phân tích tài liệu; Phỏng vấn; Kiểm tra y sinh; Kiểm tra chức năng tâm lý; Kiểm tra sự phạm; Toán thống kê.

Bài báo là một phần của Luận văn "Nghiên cứu đặc điểm phát triển thể chất của nam SV Trường Đại học Xây dựng Miền Tây" của tác giả Nguyễn Minh Đức, đồng thời là kết quả nghiên cứu kế thừa của theo nghiên cứu phát triển đề tài từ báo cáo "Nghiên cứu xây dựng tiêu chuẩn và đánh giá thể chất cho nam SV Trường Đại học Xây dựng Miền Tây" (Tạp chí Thiết bị Giáo dục, số 2, 275, trang 126-128 năm 2022).

2.3. So sánh đặc điểm thể chất của nam SV các ngành tại Trường Đại học Xây dựng Miền Tây

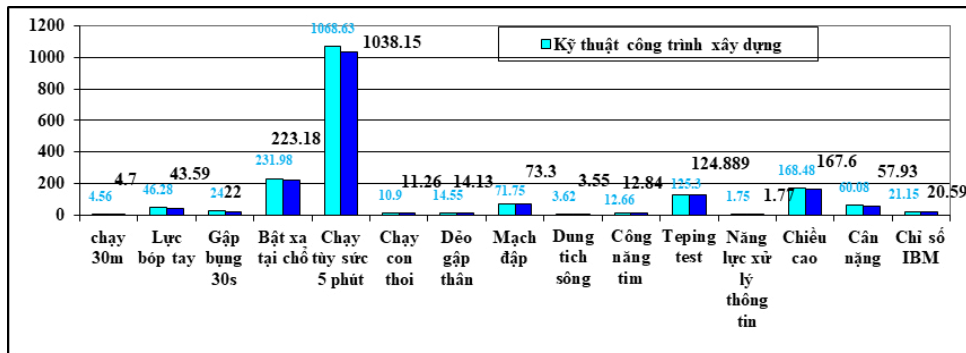
Bảng 1. Kết quả So sánh thể chất của nam SV năm thứ nhất Trường Đại học Xây dựng Miền Tây ngành Kỹ thuật Công trình Xây dựng, Kiến trúc Công trình và Quản lý Xây dựng

Chỉ tiêu	Nguồn gốc biến sai	$\Sigma\sigma^2$	Df	σ^2	F(I:II)	P
Chạy 30m XPC (s)	Giữa các nhóm (I)	1.98	2	0.99	14.14	<0.01
	Trong các nhóm (II)	8.23	117	0.07		
	Chung	10.21	119	0.09		
Lực bóp tay thuận (kg)	Giữa các nhóm (I)	332.89	2	166.45	13.57	<0.01
	Trong các nhóm (II)	1435.16	117	12.27		
	Chung	1768.05	119	14.86		
Gập bụng 30s (lần)	Giữa các nhóm (I)	319.66	2	159.83	19.26	<0.01
	Trong các nhóm (II)	971.33	117	8.3		
	Chung	1290.99	119	10.85		
Bật xa tại chỗ (cm)	Giữa các nhóm (I)	4760.53	2	2380.27	14.14	<0.01
	Trong các nhóm (II)	12719.34	117	108.71		
	Chung	17479.87	119	146.89		
Chạy tùy sức 5 phút (m)	Giữa các nhóm (I)	61768.34	2	61768.34	17.2	<0.01
	Trong các nhóm (II)	3591.11	117	3591.11		
	Chung	4568.88	119	4568.88		
Chạy con thoi 4x10m (s)	Giữa các nhóm (I)	10.11	2	5.06	28.11	<0.01
	Trong các nhóm (II)	21.02	117	0.18		
	Chung	31.13	119	0.26		
Đeo gập thân (cm)	Giữa các nhóm (I)	494.59	2	247.3	30.53	<0.01
	Trong các nhóm (II)	948	117	8.1		
	Chung	1442.59	119	12.12		
Mạch đập (lần/phút)	Giữa các nhóm (I)	642.63	2	321.32	19.95	<0.01
	Trong các nhóm (II)	1885.34	117	16.11		
	Chung	2527.97	119	21.24		
Dung tích sống (lít)	Giữa các nhóm (I)	0.47	2	0.24	24	<0.01
	Trong các nhóm (II)	1.15	117	0.01		
	Chung	1.62	119	0.01		
Công năng tim (s)	Giữa các nhóm (I)	58.85	2	29.43	21.64	<0.01
	Trong các nhóm (II)	158.7	117	1.36		
	Chung	217.55	119	1.83		
Teping test (điểm)	Giữa các nhóm (I)	613.46	2	306.73	21.62	<0.01
	Trong các nhóm (II)	1660.67	117	14.19		
	Chung	2274.13	119	19.11		
năng lực xử lý thông tin (bit/s)	Giữa các nhóm (I)	0.02	2	0.01	12.5	<0.01
	Trong các nhóm (II)	0.09	117	0.0008		
	Chung	0.11	119	0.0009		
Chiều cao (cm)	Giữa các nhóm (I)	531.47	2	265.74	22.79	<0.01
	Trong các nhóm (II)	1364	117	11.66		
	Chung	1895.47	119	15.93		

Cân nặng (kg)	Giữa các nhóm (I)	1478.37	2	739.19	22.77	<0.01
	Trong các nhóm (II)	3798	117	32.46		<0.01
	Chung	5276.37	119	44.34		
IBM (kg/m ²)	Giữa các nhóm (I)	141.5	2	70.75	26.01	<0.01
	Trong các nhóm (II)	318.32	117	2.72		
	Chung	459.82	119	3.86		

Qua bảng 1. cho thấy sự phát triển thể chất nam SV của ba ngành học trên là có sự khác nhau. Sự khác biệt về thể chất giữa các ngành học là có ý nghĩa tại $p < 0.01$.

2.4. So sánh sự phát triển thể chất của nam SV năm thứ nhất ngành Kỹ thuật Công trình Xây dựng và Kiến trúc Công trình



Biểu đồ 1. So sánh sự phát triển thể chất của nam SV năm thứ nhất ngành Kỹ thuật Công trình Xây dựng và Kiến trúc Công trình

Qua kết quả biểu đồ 1. biểu thị 13 chỉ tiêu thể chất của nam SV năm thứ nhất ngành Kỹ thuật Công trình Xây dựng tốt hơn Kiến trúc Công trình, đó là: Chạy 30m XPC, Lực bóp tay thuận, Gập bụng 30s, Bật xa tại chỗ, Chạy tùy sức 5 phút, Chạy con thoi 4x10m, Đeo gập thân, Dung tích sống, Công năng tim, Tepping test, Chiều cao, Cân nặng, Chỉ số BMI; hầu hết các chỉ tiêu này đều có ý nghĩa tại $p < 0.05$; ngoại trừ Đeo gập thân, Công năng tim, Tepping test, Chiều cao, Cân nặng, Chỉ số BMI (tại $p > 0.05$). Hai chỉ tiêu thể chất về năng lực xử lý thông tin, mạch đập của nam SV năm thứ

nhất ngành Kỹ thuật Công trình Xây dựng kém hơn ngành Kiến trúc Công trình, trong đó năng lực xử lý thông tin có ý nghĩa tại $p < 0.05$, mạch đập không có ý nghĩa thống kê tại $p > 0.05$.

Kết quả phân tích trên cho thấy thể chất của nam SV năm thứ nhất Trường Đại học Xây dựng Miền Tây ngành Kỹ thuật Công trình Xây dựng tốt hơn so với ngành Kiến trúc Công trình khi so sánh giá trị trung bình thông qua chỉ số t-student.

So sánh qua phân loại tổng hợp sự phát triển thể chất của nam SV năm thứ nhất ngành Kỹ thuật Công trình Xây dựng và Kiến trúc công trình:

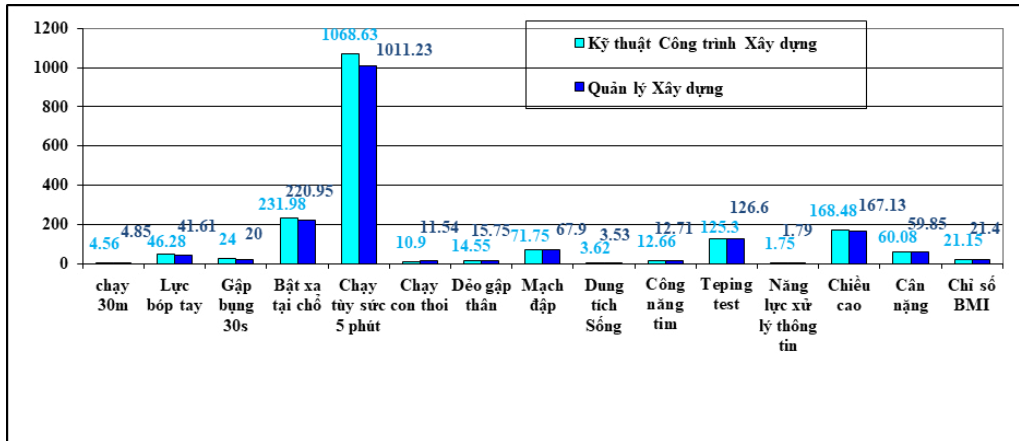
Bảng 2. So sánh sự phát triển thể chất qua phân loại tổng hợp của nam SV năm thứ nhất ngành Kỹ thuật Công trình Xây dựng và Kiến trúc Công trình

Phân loại	Ngành Kỹ thuật Công trình Xây dựng		Ngành Kiến trúc Công trình		X2	P
	n	%	n	%		
Xuất sắc	0	0	0	0	30.921	<0.05
Khá giỏi	2	5	0	0		
Trung bình	32	80	20	50		
Yếu	6	15	20	50		
kém	0	0	0	0		

Kết quả ở bảng 2. cho thấy, loại khá giỏi chỉ có ở ngành Kỹ thuật Công trình Xây dựng, với 2/40 SV chiếm 5%, loại trung bình cao nhất với 32/40 SV chiếm 80%, loại yếu ngành Kiến trúc Công trình nhiều nhất với 20/40 SV chiếm 50%, loại xuất sắc và kém chiếm 0%. Vậy khi so sánh sự phát triển thể chất qua phân loại tổng hợp của

nam SV năm thứ nhất 2 ngành thông qua chỉ số X2 càng chứng tỏ SV ngành Kỹ thuật Công trình Xây dựng tốt hơn ngành Kiến trúc Công trình với $p < 0.05$.

2.5. So sánh sự phát triển thể chất của nam SV năm thứ nhất ngành Kỹ thuật Công trình Xây dựng và Quản lý Xây dựng



Biểu đồ 2. So sánh đặc điểm phát triển thể chất của nam SV năm thứ nhất ngành Kỹ thuật Công trình Xây dựng và Quản lý Xây dựng

Qua kết quả biểu đồ 2. cho thấy 11 chỉ tiêu thể chất của nam SV năm thứ nhất ngành Kỹ thuật Công trình Xây dựng tốt hơn ngành Quản lý Xây dựng, đó là: Chạy 30m XPC, Lực bóp tay thuận, Gập bụng 30s, Bật xa tại chỗ, Chạy tụt sức 5 phút, Chạy con thoi 4x10m, mạch đập, Dung tích sóng, công năng tim, Cân nặng, Chiều cao; hầu hết các chỉ tiêu này có ý nghĩa tại $p < 0.05$; ngoại trừ công năng tim, cân nặng, chiều cao (tại $p > 0.05$). Bốn chỉ tiêu thể chất về năng lực xử lý thông tin, đeo gập thân, Tepping test, Chỉ số BMI của nam SV năm thứ nhất ngành Kỹ thuật Công

trình Xây dựng kém hơn thể chất ngành Quản lý Xây dựng, trong đó năng lực xử lý thông tin có ý nghĩa tại $p < 0.05$, còn lại 3 chỉ tiêu không có ý nghĩa tại $p > 0.05$.

Kết quả phân tích trên cho thấy thể chất của nam SV năm thứ nhất Trường Đại học Xây dựng Miền Tây ngành Kỹ thuật Công trình Xây dựng tốt hơn Quản lý Xây dựng khi so sánh giá trị trung bình.

So sánh qua phân loại tổng hợp sự phát triển thể chất của nam SV năm thứ nhất ngành Kỹ thuật Công trình Xây dựng và Quản lý Xây dựng.

Bảng 3. So sánh sự phát triển thể chất qua phân loại tổng hợp của nam SV năm thứ nhất Ngành Kỹ thuật Công trình Xây dựng và Quản lý Xây dựng

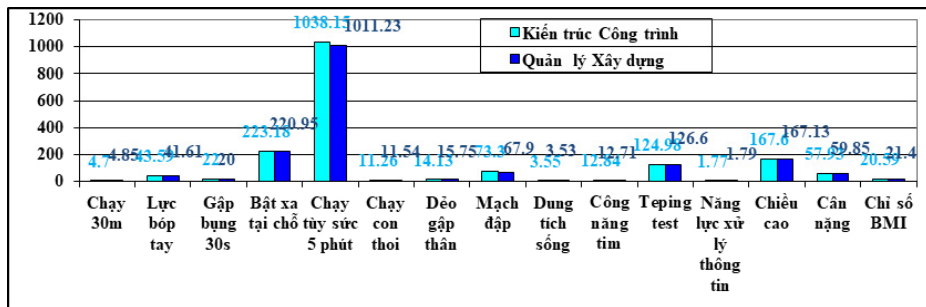
Phân loại	Ngành Kỹ thuật Công trình Xây dựng		Ngành Quản lý Xây dựng		X2	P
	n	%	n	%		
Xuất sắc	0	0	0	0	39.151	<0.05
Khá giỏi	2	5	0	0		
Trung bình	32	80	13	32.5		
Yếu	6	15	27	67.5		
kém	0	0	0	0		

Kết quả ở bảng 3. cho thấy, loại khá giỏi chỉ có ngành Kỹ thuật Công trình Xây dựng có, với 2/40 SV chiếm 5%, loại trung bình thì ngành Kỹ thuật Công trình Xây dựng cao nhất với 32/40 SV

chiếm 80%, loại yếu ngành Quản lý Xây dựng nhiều nhất với 27/40 SV chiếm 67.5%, loại xuất sắc và kém không có SV nào. Vậy khi so sánh sự phát triển thể chất qua phân loại tổng hợp của nam

SV năm thứ nhất giữa 2 ngành thì SV ngành Kỹ thuật Công trình Xây dựng tốt hơn ngành Quản lý Xây dựng. ($X^2=39.151$ với $p<0.05$)

2.6. So sánh sự phát triển thể chất của nam SV năm thứ nhất ngành Kiến trúc Công trình và Quản lý Xây dựng



Biểu đồ 3. So sánh đặc điểm phát triển thể chất của nam SV năm thứ nhất ngành Kiến trúc Công trình và Quản lý Xây dựng

Qua kết quả biểu đồ 3. cho thấy 9 chỉ tiêu thể chất của nam SV năm thứ nhất ngành Kiến trúc Công trình tốt hơn ngành Quản lý Xây dựng đó là: Chạy 30m XPC, Lực bóp tay thuận, Gập bụng 30s, Bật xa tại chỗ, Chạy tùy sức 5 phút, Chạy con thoi 4x10m, Mạch đập, Dung tích sống, chiều cao; hầu hết các chỉ tiêu này có ý nghĩa tại $p<0.05$; ngoại trừ bật xa tại chỗ, dung tích sống, chiều cao (tại $p>0.05$). Sáu chỉ tiêu thể chất của nam SV năm thứ nhất ngành Kiến trúc Công trình kém hơn thể chất của nam SV năm thứ nhất ngành Quản lý Xây dựng như: Đeo gập thân, công năng tim,

Tepping test, Năng lực xử lý thông tin, Cân nặng, Chỉ số BMI; trong đó Đeo gập thân, chỉ số IBM có ý nghĩa thống kê tại $p<0.05$, còn lại Chiều cao, Tepping test, Cân nặng không có ý nghĩa thống kê tại $p>0.05$.

Kết quả phân tích trên cho thấy thể chất của nam SV năm thứ nhất Trường Đại học Xây dựng Miền Tây ngành Kiến trúc Công trình tốt hơn Quản lý Xây dựng khi so sánh giá trị trung bình.

So sánh qua phân loại tổng hợp sự phát triển thể chất của nam SV năm thứ nhất Ngành Kiến trúc Công trình và Quản lý Xây dựng.

Bảng 4. So sánh sự phát triển thể chất qua phân loại tổng hợp của nam SV năm thứ nhất ngành Kiến trúc Công trình và Quản lý Xây dựng

Phân loại	Ngành Kiến trúc Công trình		Ngành Quản lý Xây dựng		X ²	P
	n	%	n	%		
Xuất sắc	0	0	0	0	23.656	<0.05
Khá giỏi	0	0	0	0		
Trung bình	20	50	13	32.5		
Yếu	20	50	27	67.5		
kém	0	0	0	0		

Kết quả ở bảng 4. cho thấy, loại trung bình thì ngành Kiến trúc Công trình cao nhất với 20/40 SV chiếm 50%, loại yếu ngành Quản lý Xây dựng nhiều nhất với 27/40 SV chiếm 67.5%, loại xuất sắc, khá giỏi và kém chiếm 0%. Vậy khi so sánh sự phát triển thể chất qua phân loại tổng hợp của nam SV năm thứ nhất ngành Kiến trúc Công trình tốt hơn ngành Quản lý Xây dựng ($X^2=23.656$ với $p<0.05$).

III. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu xác định thể chất của nam SV Trường Đại học Xây dựng Miền Tây ở mỗi ngành đào tạo khác nhau có đặc điểm phát triển thể chất khác nhau, trong đó tốt nhất là SV ngành Kỹ thuật Công trình xây dựng, tiếp theo là SV ngành Kiến trúc Công trình và cuối cùng là SV ngành Quản lý Xây dựng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Đặng Thị Thu Hằng và cộng sự (2018). *Hoạt động thể lực của SV hệ cử nhân dinh dưỡng ĐH Y Hà Nội*. Tạp chí Y tế Công cộng, 45, 24–32.
- Nguyễn Minh Đức (2018), *Nghiên cứu đặc điểm phát triển thể chất của nam sinh viên Trường Đại học Xây dựng Miền Tây*. Luận văn Thạc sỹ Giáo dục học Trường ĐHTT Tp.HCM.
- Nguyễn Minh Đức, Nguyễn Song Linh (2022). *Nghiên cứu xây dựng tiêu chuẩn và đánh giá thể chất cho nam SV T.ĐHXD.MT*. Tạp chí Thiết bị Giáo dục, số 2, 275, trang 126-128.
- Ngô Thị Tâm và cộng sự (2022). *Thực trạng hoạt động thể lực của SV Trường ĐH Y Hà Nội và một số yếu tố liên quan năm 2022*. Tạp chí Y học Cộng đồng, 64(1).